

**PROPOSING THE APPLICATION
OF THE SQ3R STRATEGY IN
TEACHING INFORMATIONAL TEXT
READING COMPREHENSION
AT THE HIGH SCHOOL LEVEL**

Phan Phuoc Nhiều* and Nguyen Hoang Thu
*Faculty of Literature, Ho Chi Minh city University
of Education, Ho Chi Minh city, Vietnam*

*Corresponding author: Phan Phuoc Nhiều,
e-mail: phuocnhiều24@gmail.com

Received June 24, 2025.

Revised August 29, 2025.

Accepted January 10, 2026.

**ĐỀ XUẤT CÁCH THỨC VẬN DỤNG
CHIẾN THUẬT SQ3R TRONG
DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
THÔNG TIN CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Phan Phước Nhiều* và Nguyễn Hoàng Thu
*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP
Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Phan Phước Nhiều,
e-mail: phuocnhiều24@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/6/2025.

Ngày sửa bài: 29/8/2025.

Ngày nhận đăng: 10/1/2026.

Abstract. Based on the theoretical review of the SQ3R strategy and the instructional requirements for teaching informational text reading in the 2018 General Education Curriculum for Literature, this article proposes an approach to applying the SQ3R strategy to the design of reading instruction activities at each instructional stage, with the aim of developing high school students' informational text reading comprehension competence. Through pedagogical experimentation, the study provides initial evidence of the feasibility and effectiveness of the proposed instructional measures in supporting students' development of informational text reading comprehension. This study contributes to improving the effectiveness of teaching informational text reading comprehension in high schools according to the 2018 General Education Curriculum for Literature.

Keywords: SQ3R strategy, informational text, reading comprehension instruction, reading competence.

Tóm tắt. Từ việc nghiên cứu lí thuyết về chiến thuật SQ3R và một số yêu cầu về dạy đọc văn bản thông tin (VBTT) trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (CT Ngữ văn 2018), bài viết đề xuất cách thức vận dụng chiến thuật SQ3R vào thiết kế hoạt động dạy đọc ở từng giai đoạn nhằm phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho học sinh (HS) cấp trung học phổ thông (THPT). Qua tổ chức thực nghiệm sư phạm, nghiên cứu đã bước đầu khẳng định được tính khả thi và hiệu quả của quy trình đã đề xuất trong việc giúp HS phát triển năng lực đọc hiểu VBTT. Nghiên cứu này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học đọc hiểu VBTT trong nhà trường phổ thông theo CT Ngữ văn 2018 hiện nay.

Từ khóa: Chiến thuật SQ3R, văn bản thông tin, dạy học đọc hiểu, năng lực đọc.

1. Mở đầu

Đọc hiểu là một quá trình nhận thức phức tạp đòi hỏi người đọc cần được rèn luyện các kĩ năng đọc để nâng cao khả năng hiểu văn bản (VB). Với những đặc điểm riêng về nội dung và hình thức trình bày, VBTT có sự khác biệt rõ rệt so với VB văn học và VB nghị luận, đây cũng là loại VB mà HS thường xuyên tiếp xúc trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, khi dạy học đọc

hiểu VBTT trong môn Ngữ văn, GV cần quan tâm phát triển các kỹ năng đọc đặc thù đối với loại VB này nhằm giúp HS có khả năng vận dụng vào việc đọc hiểu các VBTT trong cuộc sống. Hơn nữa, trong bối cảnh bùng nổ thông tin và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, việc hình thành và phát triển ở HS năng lực đọc hiểu VBTT ngày càng trở nên cấp thiết, bởi VBTT giữ vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực tiếp nhận, xử lý thông tin, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay.

Chiến thuật SQ3R được Robinson đề cập lần đầu tiên trong tài liệu *Effective study* năm 1941 [1]. Những năm gần đây, xuất hiện nhiều các nghiên cứu nhằm kiểm chứng hiệu quả của chiến thuật SQ3R đối với việc cải thiện kỹ năng đọc hiểu ở HS, tiêu biểu như: Dharma và Abdullah (2013) qua bài viết *The Implementation of SQ3R Strategy to teach Reading News Item Text To Tenth Grade Students Of Senior High School* [2] đã nghiên cứu về tác động của SQ3R khi đọc VB tin tức ở HS lớp 10; Widiani (2021) cũng nghiên cứu về hiệu quả của chiến thuật này đối với HS lớp 8 qua bài viết *SQ3R strategy in teaching reading* [3]; Dewi và cộng sự (2021) cũng chứng minh được tính hiệu quả của chiến thuật SQ3R có thể tăng cường khả năng đọc hiểu với HS tiểu học Hồi giáo ở Indonesia [4]. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về chiến thuật SQ3R vẫn chưa phong phú, chỉ có bài viết *Vận dụng kỹ thuật đọc “SQ3R” vào dạy học đọc hiểu nhằm phát triển năng lực cho học sinh* của Trịnh Văn Sỹ (2024) [5]. Tác giả đã đề xuất quy trình áp dụng đối với VB văn học và VB nghị luận và tiến hành thực nghiệm kiểm chứng hiệu quả. Nhìn chung, các nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam chủ yếu khái quát về quy trình thực hiện chiến thuật SQ3R theo kết quả đề xuất ban đầu của Robinson, từ đó kiểm chứng tính hiệu quả của nó trong thực tiễn dạy học. Việc vận dụng chiến thuật SQ3R trong dạy học đọc hiểu VBTT theo định hướng dạy đọc của CT Ngữ văn 2018 vẫn còn là một khoảng trống nghiên cứu chưa được quan tâm nhất định. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm đề xuất cách thức vận dụng chiến thuật SQ3R vào quy trình dạy học đọc hiểu VBTT, đáp ứng yêu cầu cần đạt của CT Ngữ văn 2018 ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu sử dụng các phương pháp sau: (1) Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng nhằm tổng hợp và phân tích các tài liệu để xây dựng cơ sở lý thuyết cho các đề xuất vận dụng chiến thuật SQ3R vào dạy học đọc hiểu VBTT; (2) Phương pháp thực nghiệm sư phạm được sử dụng nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của cách thức vận dụng chiến thuật SQ3R mà nghiên cứu đã đề xuất qua thực tiễn tổ chức trong giờ dạy đọc hiểu ở trường phổ thông; (3) Phương pháp phỏng vấn được sử dụng kết hợp với phương pháp thực nghiệm để thu thập thông tin từ phía GV về ưu điểm và hạn chế của các cách thức tổ chức dạy học qua tiết dạy thực nghiệm.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Khái quát về văn bản thông tin

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về VBTT. Để phù hợp với bối cảnh dạy học ở nhà trường phổ thông Việt Nam, chúng tôi chủ yếu dựa trên cách định nghĩa VBTT theo mục đích giao tiếp của VB. CT Ngữ văn 2018 định nghĩa một cách ngắn gọn, VBTT là “*văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin*” [6; 88]. Nguyễn Thị Hồng Nam và Dương Thị Hồng Hiếu (2020) trong *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản* cho rằng VBTT gồm “các loại VB không chứa yếu tố hư cấu và có mục đích chính là cung cấp thông tin về các chủ đề, vấn đề, sự kiện, quá trình,... cụ thể” [7; 15].

Như vậy, có thể hiểu VBTT là một dạng VB phi hư cấu, được tạo lập với mục đích chính là truyền tải thông tin đến người đọc. Đề tài của VBTT thường mang tính phổ quát ở nhiều lĩnh

vực khác nhau. Đồng thời, VBTT còn mang một số đặc trưng về hình thức như cấu trúc (mục lục, nhan đề, đề mục,...), kết cấu (nguyên nhân - kết quả, so sánh - đối chiếu, trình tự thời gian,...), sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ,...

2.2.2. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản thông tin cấp trung học phổ thông trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018

Về ngữ liệu đọc hiểu, ngoài hai kiểu VBTT mà HS được tiếp nhận ở hầu hết các cấp lớp gồm VB thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và báo cáo nghiên cứu, đối với lớp 10, HS được đọc bản tin, lớp 12 xuất hiện thêm thư trao đổi công việc. Các YCCĐ được phân bố và phát triển qua từng cấp lớp, cụ thể như sau:

YCCĐ về đọc hiểu nội dung: ở cấp THPT, HS cần rèn luyện kỹ năng *suy luận* và *phân tích* mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB xuyên suốt các lớp, riêng lớp 12, HS được tìm hiểu thêm về các loại dữ liệu và vai trò của chúng trong VBTT. Tương tự, việc *phân tích* và *đánh giá* đề tài, thông tin cơ bản và cách đặt nhan đề của VB cũng là một kỹ năng quan trọng, có sự lặp lại ở các cấp lớp. Đối với các đơn vị kiến thức, kỹ năng này, GV cần kích hoạt và bổ sung kiến thức nền (nếu cần) cho HS trước khi đọc VB. Ngoài ra, YCCĐ về đọc hiểu nội dung có sự phát triển về mức độ nhận thức và các đơn vị kiến thức mới, cụ thể: ở lớp 10, HS chỉ đơn giản nhận biết mục đích của người viết trong VB; đến lớp 11, HS cần hình thành thêm kỹ năng nhận biết thái độ và quan điểm mà người viết thể hiện; trên cơ sở đó, phát triển lên mức độ đánh giá ở lớp 12. Để có thể tìm hiểu mục đích viết, thái độ và quan điểm của người viết trong VBTT, GV cần hướng dẫn HS nhận diện qua các thông tin cơ bản và thông tin chi tiết trong VB ở giai đoạn đọc VB. Như vậy, yêu cầu đọc hiểu nội dung của VBTT vừa có sự lặp lại ở một số kỹ năng đọc quan trọng nhưng đồng thời có sự xuất hiện các đơn vị kiến thức, kỹ năng mới và phát triển về mức độ nhận thức, rõ nét nhất ở lớp 11 và lớp 12.

YCCĐ về đọc hiểu hình thức: có sự phát triển rõ rệt về mức độ nhận thức qua các YCCĐ, ở lớp 10 chủ yếu là mức độ nhận biết, HS chỉ cần nhận biết được một số yếu tố hình thức của các kiểu VBTT gồm VBTT tổng hợp và bản tin. Với bản tin, năng lực được phát triển lên mức *phân tích* và *đánh giá* (cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin). Ở lớp 11, HS cần nhận diện được bố cục và sự mạch lạc của VBTT, kỹ năng này tiếp tục được rèn luyện ở lớp 12. Đáng chú ý, hầu hết các YCCĐ ở lớp 12 đều ở mức độ đánh giá: *đánh giá sự phù hợp của nội dung và nhan đề VB, đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản, đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản*. Để có thể đáp ứng YCCĐ cấp THPT, GV cần quan tâm trang bị cho HS một số kỹ năng đọc nền tảng ngay từ lớp 10 và thường xuyên rèn luyện, củng cố để có thể đạt được chuẩn đầu ra ở lớp 12 một cách dễ dàng.

Ngoài ra, kỹ năng đọc hiểu phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được rèn luyện và phát triển xuyên suốt các cấp lớp. Ở lớp 10 HS chỉ cần *nhận biết* và *phân tích* được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; ở lớp 11, HS bắt đầu tìm hiểu về tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong VB (mức *phân tích* và *đánh giá*); đến lớp 12, YCCĐ về đọc hiểu PT phi ngôn ngữ được chương trình xếp vào nhóm YCCĐ về liên hệ, so sánh, kết nối với mức độ nhận thức cao hơn, HS phải so sánh được hiệu quả của hai VBTT (VB chỉ sử dụng ngôn ngữ và VB có kết hợp với yếu tố phi ngôn ngữ).

YCCĐ về liên hệ, so sánh, kết nối: ở lớp 10, HS chủ yếu thực hiện liên hệ giữa VB với bản thân qua việc *nêu ý nghĩa hay tác động của VBTT đối với bản thân*; lớp 11, HS phải thực hiện hai thao tác tư duy gồm *thể hiện được thái độ của bản thân với nội dung của VB hay quan điểm của người viết* và *giải thích lí do*; đến lớp 12, mức độ nhận thức được phát triển cao hơn, HS phải có khả năng *đánh giá, phê bình VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của bản thân*. Để đáp ứng các YCCĐ trên, HS cần được phát triển tư duy phản biện và kỹ năng trình bày ý kiến và

quan điểm của bản thân về các thông tin, chi tiết trong VB trong quá trình dạy học đọc hiểu VBTT.

Để hỗ trợ HS đạt chuẩn năng lực nói trên, GV cần hướng dẫn HS vận dụng các chiến thuật đọc phù hợp, giúp định hướng hoạt động tiếp nhận VB. Chiến thuật SQ3R là một lựa chọn phù hợp, bởi cấu trúc năm bước (*Survey – Question – Read – Recite – Review*) có thể giúp HS rèn luyện thường xuyên một số kỹ năng đọc cơ bản để HS có khả năng đọc độc lập, từ đó GV có thể hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhận thức ở mức độ cao hơn trong giờ dạy học đọc hiểu, đáp ứng YCCĐ của CT Ngữ văn 2018 ở cấp THPT.

2.2.3. Chiến thuật SQ3R

Chiến thuật SQ3R (*Survey – Question – Read – Recite – Review*), do Francis P. Robinson đề xuất năm 1941 là một cách thức đọc hiệu quả, giúp người học tiếp cận VB một cách chủ động, có định hướng, đồng thời nâng cao khả năng ghi nhớ. Theo Robinson (1941), các bước của SQ3R khi được người học rèn luyện một cách thành thạo và hiệu quả, sẽ giúp người học đọc nhanh hơn, chọn lọc được những ý quan trọng và ghi nhớ chúng lâu dài [1; 29].

Quy trình thực hiện chiến thuật SQ3R gồm 5 bước:

- *Bước 1. Khảo sát (Survey)*: đọc lướt các tiêu đề, phần giới thiệu để xác định nội dung chính trong VB.

- *Bước 2. Đặt câu hỏi (Question)*: chuyển các tiêu đề hoặc mục lục thành câu hỏi nhằm khơi gợi sự tò mò và định hướng cho việc đọc.

- *Bước 3. Đọc VB (Read)*: người đọc tiến hành đọc nội dung của VB để tìm câu trả lời cho các câu hỏi đã xác định ở Bước 2.

- *Bước 4. Thuật lại/ diễn giải lại (Recite)*: rời mắt khỏi VB, tự diễn đạt lại nội dung của VB bằng lời hoặc viết lại ngắn gọn để củng cố sự hiểu biết về VB.

- *Bước 5. Ôn tập (Review)*: xem lại toàn bộ nội dung, kiểm tra ghi nhớ và nhận diện mối liên hệ giữa các thông tin. [1; 28-30]

Dharma và Abdullah (2013) cho rằng chiến thuật này có vai trò quan trọng trong việc giúp HS xây dựng ý nghĩa trong khi đọc VB [2]. Bên cạnh đó, đây cũng là chiến thuật hiệu quả trong việc giúp HS tăng khả năng tự học, cho phép người học dần trở nên độc lập [8; 4].

2.2.4. Đề xuất cách thức sử dụng chiến thuật SQ3R trong tiến trình dạy học văn bản thông tin

2.2.4.1. Nguyên tắc đề xuất

Việc vận dụng chiến thuật SQ3R trong dạy học đọc hiểu VBTT cần tuân thủ các nguyên tắc sau: (1) Bám sát tiến trình dạy học đọc hiểu theo 3 giai đoạn: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc; (2) Chú trọng hình thành và phát triển ở HS các phương pháp, chiến thuật đọc đa dạng phù hợp với đặc trưng của VBTT để HS có thể đọc độc lập, từ đó vận dụng trong thực tiễn đời sống; (3) Tích hợp dạy các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe góp phần phát triển năng lực giao tiếp ở HS, đáp ứng mục tiêu của CT Ngữ văn 2018.

2.2.4.2. Quy trình đọc hiểu văn bản thông tin vận dụng chiến thuật SQ3R

Cách thức vận dụng chiến thuật SQ3R vào tiến trình dạy học đọc hiểu VBTT được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. Cách thức thực hiện chiến thuật SQ3R trong tiến trình đọc hiểu VBTT

Giai đoạn đọc	Các bước thực hiện	Mục tiêu	Kỹ năng đọc	Cách thức tổ chức
Trước khi đọc	Bước 1 (Survey): khảo sát	- Dự đoán được đề tài, chủ đề và các thông tin cơ	- Kỹ năng đọc lướt. - Kỹ năng	- HS sử dụng kỹ năng đọc lướt để đọc qua nhan đề, các tiêu đề, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB, các đoạn văn trong VB... để bước đầu xác

	VB	bản trong VB. - Kích hoạt/bổ sung kiến thức nền về nội dung, chủ đề, ngôn ngữ để đọc VB. - Xác định được nhiệm vụ học tập của bài học.	đọc quét. - Kỹ năng dự đoán.	định được đề tài, chủ đề và các thông tin cơ bản trong VB. - HS tìm các từ mới/thuật ngữ được sử dụng trong VB và thực hiện đánh dấu, gạch chân các từ mới/thuật ngữ quan trọng cần lí giải. - GV hướng dẫn HS khảo sát hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong SGK để xác định các nhiệm vụ trọng tâm của bài học (hỗ trợ hình thành câu hỏi ở bước 2)
	Bước 2: Đặt câu hỏi (Question)	- Xác định mục đích đọc VB. - Khơi gợi sự tò mò của người đọc về VB để có thể tăng khả năng hiểu về VB. - Hình thành tâm thế chủ động cho người đọc.	- Kỹ năng đặt câu hỏi	- GV làm mẫu kỹ năng đặt câu hỏi (nếu cần). - Dựa trên những kết quả khảo sát ở Bước 1, HS tiến hành đặt câu hỏi về VB bằng các cách thức sau: + Đặt câu hỏi bằng cách sử dụng kỹ thuật 5W1H với các từ để hỏi như <i>What?</i> (<i>cái gì</i>), <i>When?</i> (<i>khi nào</i>), <i>Why?</i> (<i>tại sao</i>), <i>Where?</i> (<i>ở đâu</i>), <i>How?</i> (<i>như thế nào</i>) + Đặt câu hỏi dựa trên nội dung của các đề mục trong VB. + Đặt câu hỏi dựa trên các vấn đề được nêu qua hệ thống câu hỏi đọc hiểu trong SGK.
Trong khi đọc	Bước 3: Đọc VB (Read)	- Giải nghĩa các từ ngữ để hiểu thông tin trong VB. - Đọc trực tiếp VB để tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi đã đặt ra.	- Kỹ năng giải mã từ ngữ. - Kỹ năng đọc hiểu PT phi ngôn ngữ. - Kỹ năng suy luận.	- GV hướng dẫn HS xác định và giải thích nghĩa của các từ mới dựa trên ngữ cảnh của câu hoặc tra nghĩa. - HS đọc từng phần trong VB và tìm câu trả lời cho hệ thống câu hỏi đã đặt ra. - HS thực hiện ghi chép kết quả đọc vào Phiếu học tập hoặc ghi chú bên lề.
Sau khi đọc	Bước 4: Tóm tắt, diễn giải lại thông tin và cách hiểu của bản thân (Recite)	- Cùng cố những hiểu biết về VB. - Khái quát hoá thông tin từ VB. - Kiểm soát và điều chỉnh cách hiểu của bản thân về VB. Khắc sâu về nội dung VB.	- Kỹ năng diễn giải lại thông tin. - Kỹ năng tóm tắt. - Kỹ năng xác định thông tin chính và chi tiết bổ trợ.	- HS có thể trình bày lại kết quả học bằng nhiều hình thức: + Cá nhân: viết tóm tắt, sơ đồ tư duy, ghi chép ý chính dưới dạng gạch đầu dòng... + Hình thức nhóm: Think – Pair – Share, thực hành “nói to suy nghĩ” (Think-aloud)... + Trình bày trước lớp: thực hành “nói to suy nghĩ” (Think-aloud)... - HS bổ sung, điều chỉnh cách hiểu về VB (nếu cần).
	Bước 5: Ôn tập, đánh giá kết quả đọc (Review)	- Cùng cố hiểu biết về VB và tăng cường khả năng ghi nhớ. - Đối chiếu kết quả đọc với YCCĐ của bài học.	- Kỹ năng tóm tắt. - Kỹ năng đánh giá.	- HS đối chiếu kết quả đọc với YCCĐ của bài học và thực hiện các yêu cầu bổ sót (nếu cần). - GV có thể sử dụng sơ đồ <i>Kim tự tháp tóm tắt</i> để hướng dẫn HS đánh giá lại kết quả đọc và bổ sung các kỹ năng trọng tâm của bài học.

2.2.4.3. Minh họa vận dụng chiến thuật SQ3R trong tiến trình dạy đọc hiểu văn bản thông tin

Sau đây là ví dụ minh họa về cách thức vận dụng chiến thuật SQ3R vào tiến trình tổ chức dạy học với VB “*Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ*” - Nguyễn Thế Nghĩa (SGK Ngữ văn 12, tập 2, bộ Cánh Diều).

* *Giai đoạn trước khi đọc:*

- *Bước 1 – Khảo sát VB (Survey):* GV yêu cầu HS *đọc lướt (skimming)* VB, chú ý vào nhan đề, các đề mục, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ,... và dự đoán về đề tài và thông tin cơ bản của VB. Nhằm hỗ trợ cho việc đặt câu hỏi ở Bước 2 và đảm bảo hoạt động đọc hiểu VB đáp ứng được các mục tiêu của bài dạy, GV yêu cầu HS *đọc quét (scanning)* hệ thống các YCCĐ và các câu hỏi đọc hiểu sau khi đọc trong SGK để xác định được các đơn vị kiến thức, kỹ năng đọc trọng tâm của bài học.

- *Bước 2 – Đặt câu hỏi (Question):* GV sử dụng kỹ thuật Think-aloud để hướng dẫn HS đặt câu hỏi dựa trên kết quả khảo sát các YCCĐ của bài học và hệ thống câu hỏi đọc hiểu trong SGK, GV cũng cần lưu ý rõ với HS cần xem đó như các gợi ý mang tính định hướng để đặt câu hỏi về VB – xác định mục tiêu đọc, bởi không phải câu hỏi nào HS cũng có thể trả lời ngay ở giai đoạn đọc VB. Câu hỏi dự kiến của HS được trình bày trong bảng bên dưới:

Bảng 2. Dự kiến câu hỏi của HS dựa trên kết quả khảo sát câu hỏi trong SGK

Câu hỏi SGK	Nội dung chính của câu hỏi SGK	Dự kiến câu hỏi của HS
Câu 1	Sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề VB.	- Tên VB có phù hợp với nội dung tôi sắp đọc không? Nội dung trong VB có nói rõ về cả “cách mạng công nghiệp 4.0” và “vai trò của trí thức khoa học – công nghệ” không?
Câu 2	Tóm tắt VB, sự mạch lạc của VB	- VB này có cấu trúc ra sao? Có thể hình dung được sơ đồ nội dung trước khi đọc không? - Liệu các đề mục như “nhận diện”, “tác động”, “vai trò của trí thức” có được sắp xếp logic và tăng tính mạch lạc của VB như thế nào?
Câu 3	Các phương thức biểu đạt và cách trình bày thông tin	- Tác giả dùng phương thức biểu đạt nào? - Cách trình bày thông tin trong VB có gì đặc biệt?
Câu 4	Dữ liệu và độ tin cậy của dữ liệu, thông tin	- Các dữ liệu được đưa ra là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? - Tác giả có trích dẫn số liệu, dẫn chứng đáng tin cậy không? Dữ liệu đó đến từ tổ chức nào?
Câu 5	Quan điểm, thái độ của người viết trong VB	- Tác giả sẽ bày tỏ thái độ, quan điểm thế nào về trí thức trong cuộc cách mạng này? (Tác giả ủng hộ, kêu gọi hay trung lập? Quan điểm đó có phù hợp với thực tế không?)
Câu 6	Hiểu biết mới mẻ của người đọc về vấn đề mà VB cung cấp thông tin	- Tôi sẽ học được điều gì mới từ VB này? (Có thể mở rộng hiểu biết gì về cách mạng 4.0 và vai trò của bản thân trong tương lai? Tôi nên chuẩn bị gì để thích ứng với thời đại này?)

* *Giai đoạn trong khi đọc:*

- *Bước 3 – Đọc VB (Read):* GV tổ chức cho HS đọc VB theo hình thức cá nhân (đọc thầm VB) và dừng lại ở các vị trí có liên quan để tìm câu trả lời cho các câu hỏi đã đặt ra. Do nội dung của VBTT thường sử dụng các thuật ngữ hoặc từ ngữ thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau nên GV cần thiết kế nhiệm vụ học tập để HS giải mã các từ ngữ trong VB nhằm nâng cao khả năng hiểu được nội dung toàn VB. Với VB “*Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ*” - Nguyễn Thế Nghĩa, GV có thể thiết kế nhiệm vụ cho HS tìm và

giải thích nghĩa của một số từ ngữ như: “cách mạng công nghiệp”, “sự thay đổi về chất”, “nền sản xuất cơ khí”, “nền sản xuất tự động hoá”, “nền sản xuất theo dây chuyền hàng loạt bằng máy móc”,... Trong quá trình đọc, HS kết hợp ghi chép các câu trả lời vào phiếu học tập để có thể kiểm soát cách hiểu và theo dõi sự điều chỉnh kết quả đọc trong suốt tiến trình (Gợi ý mẫu phiếu ghi chép trong khi đọc – Hình 1).

*** Giai đoạn sau khi đọc:**

- **Bước 4 – Tóm tắt, diễn giải lại thông tin và cách hiểu của bản thân (Recite):** GV có thể tổ chức hoạt động học bằng một trong hai cách sau: cách thứ nhất, yêu cầu HS đối chiếu kết quả đọc sau khi trả lời các câu hỏi với các dự đoán ban đầu về VB (Mẫu phiếu học tập 1 – Hình 2); cách thứ hai, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhằm chia sẻ và điều chỉnh các kết quả đọc (nếu cần) sau khi trao đổi trong nhóm (Mẫu phiếu học tập 2 – Hình 2). Ngoài ra, HS cũng có thể trình bày các câu hỏi mà HS chưa trả lời được sau khi đọc VB để thảo luận trong nhóm hoặc toàn lớp học.

Phiếu ghi chép giai đoạn trong khi đọc
Văn bản:

1. Giải mã từ ngữ trong VBTT:

Từ mới	Nghĩa của từ	Cơ sở xác định nghĩa của từ
...	...	...
...	...	...
...	...	...

2. Trả lời câu hỏi trong khi đọc

Câu hỏi ban đầu của tôi về VB	Trả lời	Căn cứ trả lời câu hỏi (thông tin từ kênh chữ và PT phi ngôn ngữ)
...	...	...
...	...	...
...	...	...

Hình 1. Phiếu ghi chép giai đoạn trong khi đọc

Phiếu ghi chép giai đoạn sau khi đọc (theo dõi kết quả đọc)
Văn bản:

Mẫu 1. Theo dõi kết quả đọc giữa trước và sau khi đọc:

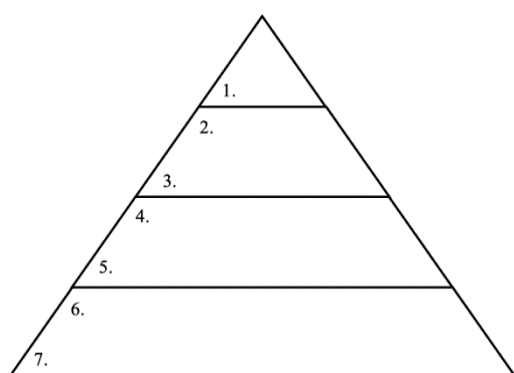
Dự đoán ban đầu của tôi về VB	Kết quả sau khi đọc VB	Căn cứ điều chỉnh kết quả đọc
...	...	...
...	...	...
...	...	...

Mẫu 2. Kiểm soát và điều chỉnh cách hiểu của bản thân khi chia sẻ, làm việc nhóm:

Câu hỏi	Câu trả lời sau khi đọc	Câu trả lời sau khi xem lại hoặc trao đổi với bạn
...	...	...
...	...	...
...	...	...

Hình 2. Phiếu ghi chép giai đoạn sau khi đọc

- **Bước 5 - Ôn tập, đánh giá kết quả đọc (Review):** mục đích chính của bước này nhằm giúp HS củng cố các hiểu biết về VB, từ đó đối chiếu kết quả đọc với các yêu cầu cần đạt của bài học để bổ sung, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu. GV có thể sử dụng nhiều biện pháp khác nhau để đáp ứng mục tiêu trên, trong nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất biện pháp sử dụng sơ đồ kim tự tháp tóm tắt (*Summarization Pyramids*) (Hình 3) [9; 49].



Hình 3. Mẫu sơ đồ kim tự tháp tóm tắt [10]

1. Li tưởng nhất, bạn nên đọc *Goodnight Moon* vào thời điểm nào trong ngày?
2. Bảng màu trong tác phẩm gợi lên tâm trạng gì mà tác giả muốn tạo ra?
3. Bạn sẽ mô tả giọng điệu của văn bản như thế nào?
4. Sau khi đọc xong, bạn cảm thấy thế nào?
5. Việc đọc một văn bản dễ theo dõi ảnh hưởng như thế nào đến mức độ hiểu của bạn về *Goodnight Moon*?
6. Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong tác phẩm?
7. Cuối cùng, hãy viết một câu nêu nội dung chính của cuốn sách và mục đích của văn bản.

Cách thức tổ chức thực hiện sơ đồ kim tự tháp tóm tắt ở bước này được đề xuất như sau:

(1) GV xác định một số yêu cầu cần đạt trọng tâm của bài dạy cần củng cố và đánh giá HS. GV cần chú ý lựa chọn bao quát cả yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ – so sánh – kết nối theo yêu cầu cần đạt của CT Ngữ văn 2018;

(2) GV xây dựng hệ thống câu hỏi định hướng dựa trên yêu cầu cần đạt. Nội dung của câu hỏi đọc hiểu được thiết kế nhằm giúp HS tự đánh giá lại kết quả đọc, nhờ đó HS có thể bổ sung hiểu biết về VB và thực hiện kĩ năng đọc còn bỏ sót. Mức độ nhận thức của câu hỏi cần được phát triển từ thấp đến cao;

(4) GV thiết kế hình thức của sơ đồ kim tự tháp. Chúng tôi đề xuất trình tự các câu hỏi từ phần đỉnh thấp xuống phần đáy thấp lần lượt gồm: câu hỏi về đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung, liên hệ - so sánh - kết nối. Trật tự này được sắp xếp theo mức độ chi tiết, phức tạp của câu trả lời và sự phát triển dần về mức độ nhận thức của câu hỏi;

(5) GV dự kiến câu trả lời của HS dựa trên sơ đồ kim tự tháp tóm tắt.

(6) Trên lớp, GV tổ chức cho HS thực hiện trả lời các câu hỏi đọc hiểu bằng cách hoàn thành vào sơ đồ kim tự tháp theo hình thức cá nhân hoặc nhóm đôi.

Ví dụ minh họa tổ chức với VB “Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ” (Nguyễn Thế Nghĩa):

- Một số YCCĐ đọc hiểu VBTT qua VB “Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ” (Nguyễn Thế Nghĩa):

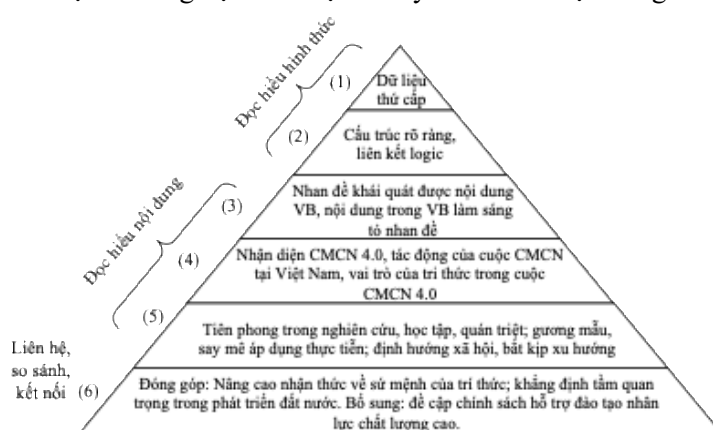
+ Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp.

+ Nhận biết được mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản.

+ Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

+ Đánh giá, phê bình được văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc [10; 82].

- Hệ thống câu hỏi định hướng đọc hiểu dựa trên yêu cầu cần đạt bao gồm:



Hình 4. Sơ đồ kim tự tháp dự kiến câu trả lời của HS

1. Các dữ liệu được sử dụng trong phần (1), (2), (3) thuộc loại dữ liệu sơ cấp hay dữ liệu thứ cấp?

2. Tính mạch lạc của VB được thể hiện qua (những) phương diện nào?

3. Nhan đề “Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ” và nội dung của VB có mối quan hệ như thế nào với nhau?

4. Thông tin chính của VB là gì?

5. Tác giả đã sử dụng những thông tin chi tiết nào để làm rõ cho thông tin về vai trò của đội

ngữ trí thức khoa học – công nghệ trong cách mạng công nghiệp 4.0?

6. Theo bạn, VB này có đóng góp như thế nào vào nhận thức xã hội về vai trò của giới trí thức trong cuộc cách mạng Khoa học - Công nghệ 4.0 hiện nay? Nếu được, bạn muốn bổ sung thêm điều gì?

- Dự kiến thông tin trả lời dựa trên sơ đồ kim tự tháp tóm tắt như Hình 4.

2.2.5. Thực nghiệm sư phạm

2.2.5.1. Thiết kế thực nghiệm

Nhằm đánh giá tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng chiến thuật SQ3R vào dạy đọc hiểu VBTT cho HS THPT, nghiên cứu này tiến hành tổ chức thực nghiệm tại trường TH-THCS-THPT A (thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai) trong thời gian 4 tuần (từ 31/03/2025 đến 26/04/2025). Việc lựa chọn đơn vị trường A để tổ chức thực nghiệm xuất phát từ những lý do sau: chương trình giáo dục của nhà trường và tổ chuyên môn chủ trương tích cực đổi mới phương pháp dạy học; đội ngũ GV có kinh nghiệm và sẵn sàng hỗ trợ triển khai thực nghiệm các phương pháp dạy học mới; HS có năng lực tương đối đồng đều giữa các lớp trong cùng khối; vị trí địa lý của trường thuận lợi cho việc theo dõi và quan sát thực nghiệm của người nghiên cứu. Nghiên cứu thực nghiệm trên 27 HS lớp 12, năng lực học tập của HS không có sự khác biệt so với các lớp còn lại trong khối và số lượng HS đảm bảo phù hợp để thực nghiệm triển khai dạy học.

Ngữ liệu được lựa chọn để dạy thực nghiệm là VB “*Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ*” – Nguyễn Thế Nghĩa (Bài 9. *Văn bản thông tin tổng hợp*, SGK Ngữ văn 12, tập 2, bộ CD) với thời lượng 2,5 tiết. Tiến trình bài dạy được tổ chức dựa trên các thiết kế minh hoạ đã nêu.

Ngữ liệu đọc hiểu được sử dụng trong hai bài kiểm tra tiền kiểm và hậu kiểm có dung lượng, độ khó và mức độ nhận thức của các câu hỏi tương đương nhau, cụ thể là VB “*Pa-rama*” (Trích *Nhiệt đới buồn*, Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt) và VB “*Đời muối*” (Trích *Đời muối: Lịch sử thế giới*, Mác Kơ-len-xki).

2.2.5.2. Kết quả thực nghiệm

- **Dữ liệu định lượng:**

Tổ chức đánh giá tiền kiểm và hậu kiểm ở hai giai đoạn trước và sau khi thực nghiệm, kết quả được thống kê, kiểm định bằng *Paired Samples T-test* qua công cụ SPSS (version 27), kết quả thu được như sau:

Paired Samples Statistics					
		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TruocTN	5.5926	27	1.97234	.37958
	SauTN	6.2963	27	1.39028	.26756

Hình 5. Kết quả thống kê mô tả kết quả tiền kiểm và hậu kiểm trong SPSS

Paired Samples Test									
		Paired Differences			95% Confidence Interval of the Difference				
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	Lower	Upper	t	df	Sig. (2-tailed)
Pair 1	TruocTN – SauTN	-.70370	1.25007	.24058	-1.19822	-.20919	-2.925	26	.007

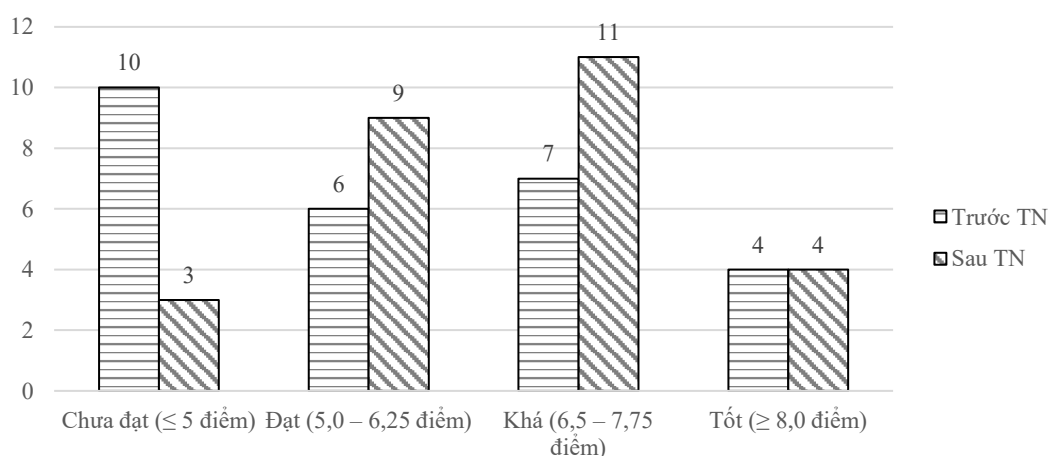
Hình 6. Kết quả kiểm định Paired Samples Test tiền kiểm và hậu kiểm

Paired Samples Effect Sizes						
			Standardizera	Point Estimate	95% Confidence Interval	
Pair 1	TruocTN – SauTN	Cohen's d	1.25007	-.563	-.965	-.152
		Hedges' correction	1.26847	-.555	-.951	-.149

Hình 7. Quy mô hiệu ứng của mẫu phụ thuộc

Kết quả cho thấy điểm trung bình tăng lên từ 5.59 lên 6.30 sau can thiệp. Độ lệch chuẩn (SD) của kết quả sau thực nghiệm (1.39) thấp hơn so với trước thực nghiệm (1.97), điều này cho thấy sự biến thiên điểm số của các HS đồng đều hơn sau thực nghiệm. Chỉ số Sig. (2-tailed) (p -value) = 0.007 (< 0.05), chứng minh rằng sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa hai lần đo. Ngoài ý nghĩa thống kê, kết quả còn cho thấy quy mô hiệu ứng được xác định là mức trung bình (Cohen's $d = 0.563$, Hedges' $g = 0.555$). Như vậy, HS có sự phát triển về năng lực đọc hiểu VBTT sau khi áp dụng chiến thuật SQ3R vào quy trình đọc hiểu, sự tác động này có ý nghĩa thống kê và mức độ ảnh hưởng đạt mức trung bình.

Kết quả thống kê theo các mức độ điểm (Biểu đồ 1) cũng thể hiện rõ sự thay đổi tích cực giữa các nhóm HS: nhóm HS có kết quả chưa đạt giảm mạnh từ 10 HS (trước thực nghiệm) xuống 3 HS (sau thực nghiệm), trong khi đó số HS ở mức đạt và khá đều tăng lên rõ rệt (từ 6 HS lên 9 HS ở mức đạt và từ 7 HS lên 11 HS ở mức khá). Sự phát triển này cho thấy chiến thuật SQ3R tác động hiệu quả hơn với đối tượng HS hạn chế về năng lực đọc hiểu.



Biểu đồ 1. Thống kê điểm số theo các mức độ của bài tiền kiểm và hậu kiểm

Riêng nhóm HS có năng lực đọc hiểu tốt không có sự thay đổi số lượng (4 HS) và giá trị điểm cao nhất giữa bài tiền kiểm và hậu kiểm cũng không biến động (mức 8.75 điểm), điều này được lí giải như sau: Những HS đã thành thạo về kĩ năng đọc vốn đã hình thành các kĩ năng đọc cơ bản để nắm bắt nội dung thông tin trong VB (đặc biệt là HS lớp 12), trong khi đó, theo Aziz (2020), chiến thuật SQ3R tối ưu trong việc giúp HS “*tìm ra các ý chính và các ý hỗ trợ cho ý chính, đồng thời cũng giúp người đọc ghi nhớ lâu hơn*” [11; 97], các bước trong chiến thuật này ít tập trung vào hoạt động nhận thức bậc cao mà thiên về việc “*nâng cao khả năng hiểu của học sinh đối với những gì họ đang đọc*” [2]. Ngoài ra, cấu trúc của bài kiểm tra tiền kiểm và hậu kiểm cũng là một yếu tố tác động, do sự phân bố các mức độ nhận thức của câu hỏi và nội dung câu hỏi nhằm đánh giá cả YCCĐ về *đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh và kết nối* nên nhóm HS này còn gặp khó khăn nhất định đối với các câu hỏi ở mức độ vận dụng. Vì vậy, kết quả điểm số trước thực nghiệm và sau thực nghiệm thường không thay đổi nhiều.

Từ những kết quả trên, có thể rút ra một số ý nghĩa sư phạm quan trọng: Thứ nhất, việc áp dụng SQ3R vào đọc hiểu VBTT giúp HS cải thiện các kĩ năng đọc cơ bản, từ đó nâng cao khả năng hiểu VB. Thứ hai, đối với nhóm HS đã có kĩ năng đọc thành thạo, phương pháp này giúp rèn luyện thường xuyên các kĩ năng đọc đã hình thành; để phát huy tối đa năng lực của HS, cần kết hợp thêm các phương pháp/ kĩ thuật dạy học khác để phát triển các năng lực tư duy bậc cao để đảm bảo tính phân hoá HS.

- Dữ liệu định tính:

Kết quả phỏng vấn 6/6 GV tham gia dự giờ tiết dạy thực nghiệm cho thấy chiến thuật SQ3R

khả thi và có hiệu quả trong dạy học đọc hiểu VBTT, tuy nhiên vẫn có một số hạn chế nhất định. Hầu hết GV đều cho rằng chiến thuật SQ3R có thể phát triển khả năng đọc độc lập cho HS bởi trình tự các bước thực hiện mang tính hệ thống và có thể hỗ trợ phát triển được một số kỹ năng đọc cần thiết đối với đọc hiểu VBTT. Cụ thể GV1 cho biết chiến thuật SQ3R có thể “*Phát huy khả năng đọc độc lập cho học sinh. Chiến thuật này cung cấp quy trình đọc rõ ràng, giúp HS tiếp cận văn bản một cách có tổ chức.*”, GV4 cũng cùng quan điểm: “*Chiến thuật SQ3R tạo nên một quá trình đọc có hệ thống, giúp học sinh hình thành tư duy logic khi tiếp cận VBTT. Ngoài khả năng giúp ghi nhớ văn bản tốt hơn, còn rèn được khả năng đọc độc lập, từ việc đặt câu hỏi đến tổng hợp, xử lý thông tin sau khi đọc*”. Kết quả này hoàn toàn giống với quan điểm của các nhà nghiên cứu Bakken, Mastropieri và Scruggs (1997) khi đề cập đến vai trò của chiến thuật SQ3R: “*SQ3R là một công cụ hữu hiệu đối với học sinh khi họ tự học. SQ3R dần dần giúp sinh viên trở nên độc lập, trong khi các chiến thuật đọc khác thường khiến học sinh phụ thuộc vào giáo viên để được hướng dẫn*” (dẫn lại [8; 4]).

Về hạn chế, việc thực hiện các bước của SQ3R trong tiến trình đọc hiểu 3 giai đoạn đặt ra vấn đề thách thức về thời gian. GV1 và GV5 cùng quan điểm cho rằng “*Sẽ tốn nhiều thời gian*” hay “*hạn chế về mặt thời gian*” (GV3) và “*tiết học dễ bị quá tải*” (GV6). Bên cạnh đó, việc sử dụng chiến thuật này vào trong đọc hiểu đòi hỏi yêu cầu về thói quen sử dụng thường xuyên của HS, GV4 cho biết: “*Với HS chưa quen phương pháp, ban đầu có thể thấy chưa kịp thích nghi và lúng túng. Cần có thời gian để HS thực hành thường xuyên mới có thể phát huy được hiệu quả tối đa*”. Ngoài ra, việc lựa chọn và sử dụng chiến thuật SQ3R vào đọc hiểu còn phụ thuộc vào dung lượng và mức độ phức tạp của thông tin trong VB, về điều này GV1 bày tỏ quan điểm: “*Đòi hỏi HS phải có tính kỷ luật, đặc biệt là những HS chưa có thói quen đọc chủ động. Đối với những VBTT quá ngắn, đơn giản áp dụng chiến thuật sẽ khiến cho quy trình đọc trở nên rườm rà, không cần thiết*”. Để đạt được hiệu quả khi vận dụng trong dạy học đọc hiểu, GV cần có khả năng điều phối và hỗ trợ HS thực hiện các bước, GV6 cho biết chiến thuật này “*yêu cầu cao về khả năng thiết kế tiến trình bài dạy cũng như khả năng vận dụng thuần thục của GV. Cần điều tiết thời gian cho phù hợp*”.

Như vậy, qua các ý kiến trên, nhận thấy chiến thuật SQ3R có hiệu quả trong việc giúp HS hình thành một quy trình đọc có hệ thống khi tiếp nhận VBTT, điều này giúp HS có khả năng đọc độc lập các VB khác trong và ngoài nhà trường, đồng thời phát huy tính chủ động của HS trong quá trình đọc. Bên cạnh đó, GV cần cân nhắc sử dụng chiến thuật SQ3R trong dạy học dựa trên một số tiêu chí nhất định như thời lượng tiết dạy, đặc điểm của VBTT, đối tượng HS,... mà có những biện pháp can thiệp và hỗ trợ để hoạt động đọc của HS đạt hiệu quả.

3. Kết luận

Từ việc khái quát các vấn đề lí luận liên quan đến chiến thuật SQ3R và VBTT, nghiên cứu tiến hành đề xuất quy trình vận dụng chiến thuật này vào dạy học đọc hiểu VBTT ở cấp THPT dựa trên YCCĐ của CT Ngữ văn 2018. Kết quả thực nghiệm chứng minh có sự phát triển về năng lực đọc hiểu VBTT của HS sau khi thực nghiệm, đặc biệt chiến thuật này phù hợp trong việc hỗ trợ nhóm HS hạn chế về năng lực đọc cải thiện năng lực lên mức đạt yêu cầu và/hoặc phát triển lên mức khá. Tuy nhiên, để việc áp dụng chiến thuật này đạt hiệu quả đòi hỏi GV cần cân nhắc trên thời lượng của bài dạy, năng lực của HS và khả năng điều phối lớp học của GV,... Mức độ tác động của quy trình đề xuất sau thực nghiệm tuy đạt mức trung bình nhưng bước đầu đã khẳng định tính khả thi và là cơ sở để nhân rộng chiến thuật SQ3R vào dạy học đọc hiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay. Đối với một số HS có kỹ năng đọc hiểu hạn chế, việc hình thành và phát triển các kỹ năng đọc bền vững lại càng quan trọng. Khi vận dụng chiến thuật này trong đọc hiểu VBTT không chỉ giúp nâng cao năng lực đọc hiểu loại VB này, mà còn hỗ trợ hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu các loại VB khác trong môn Ngữ văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Robinson FP, (1941). *Effective study*. Harper & Brothers.
- [2] Dharma SA & Abdullah DHS, (2013). The Implementation of SQ3R Strategy to teach reading news item text to tenth grade students of senior high school. *RETAIN: Journal of Research in English Language Teaching*, 1(3), 57-64.
- [3] Widiani L, (2021). SQ3R strategy in teaching reading. *Journal of Responsible Tourism*, 1(2), 165-173. DOI: <https://doi.org/10.47492/jrt.v1i2.1351>
- [4] Dewi YAS, Mulyaningsih Y, Firdaus W, Eliya I & Sari VI, (2021). Managing Islamic Elementary Students' Reading Skill through SQ3R Strategy. *IEOM Society International*, 1035-1044. <https://ieomsociety.org/proceedings/2021monterrey/179.pdf>
- [5] TV Sỡ, (2024). Vận dụng kỹ thuật đọc “SQ3R” vào dạy học đọc hiểu nhằm phát triển năng lực cho học sinh. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, 2(20), 43-47. DOI: [https://doi.org/10.15625/\[1\]2615-8957/12410207](https://doi.org/10.15625/[1]2615-8957/12410207)
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn.
- [7] NTH Nam (Chủ biên), DTH Hiếu, (2020). *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*. NXB Đại học Cần Thơ.
- [8] Asiri A & Momani MM, (2017). The Effectiveness of using SQ3R to teach Reading Skills. *International Journal of Applied Linguistics and English Literature*, 5 (1), 1-6.
- [9] Augustana College, (2024). *Tackle Box, Summarization Pyramid*, (June 2, 2025), <https://digitalcommons.augustana.edu/eductackle/14/>
- [10] LN Thìn, ĐN Thống (đồng Tổng chủ biên), TV Toàn, BM Đức, PTT Hiền, BT Hoa, NV Thuấn, (2024). *Ngữ văn 12*, tập 2, bộ Cánh diều. NXB Đại học Huế.
- [11] Aziz IN, (2020). Implementation Of SQ3R Method In Improving The Students' Basic Reading Skill. *Journal of Education*, 5(1), pp. 97-106. DOI: <https://doi.org/10.29138/educatio.v4i1.179>